

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023
CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP ĐẮK GLEI

(Kèm theo Quyết định số 345 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023 được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Tỷ lệ giữa kế hoạch 2023/thực hiện 2022 (%)	Ghi chú
I	Các chỉ tiêu về sản phẩm chủ yếu						
1	Dịch vụ môi trường rừng	Ha	19,996.43	20,074.54	20,058.78	99.9%	Giảm so với thực hiện năm 2022 15,76 ha do khai thác gỗ rừng trồng
3	Khai thác nhựa thông	Tấn	100.00				(*)
2	Khai thác LS phụ ngoài gỗ khác	Tấn	200.00	60.00			(**)
4	Khai thác gỗ rừng trồng	Ha		17.56	15.76	89.7%	Bổ sung
5	Cây dược liệu	Tấn	30.00				
II	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích						
1	Dịch vụ môi trường rừng	Ha	19,996.43	20,074.54	20,058.78	99.9%	
III	Các chỉ tiêu về tài chính						
1	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	30,464.90	30,561.37	30,561.37	100.0%	
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	16,037.86	15,782.64	15,189.40	96.2%	
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	801.89	282.79	385.40	136.3%	
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	561.33	282.79	339.67	120.1%	
5	Nộp ngân sách	Triệu đồng	240.57	238.66	228.78	95.9%	
IV	Tổng lao động (bình quân)	Người	34.00	31.50	32.00	101.6%	
V	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	3,651.17	3,673.93	3,863.81	105.2%	

Phụ lục số 02

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2023
CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP ĐẮK GLEI

(Kèm theo Quyết định số 345 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung/danh mục đầu tư	Kế hoạch 5 năm được UBND tỉnh phê duyệt						Kế hoạch năm 2023					Ghi chú
		Quy mô/khối lượng	Tổng mức đầu tư (cả giai đoạn)	Nguồn vốn đầu tư			Kế hoạch 2023	Quy mô/khối lượng	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư			
				Vốn NSNN	Nguồn thu DVMTR	Vốn Công ty; huy động khác				Vốn NSNN	Nguồn thu DVMTR	Vốn Công ty; huy động khác	
	TỔNG CỘNG		125,583.29	1,700.00	69,625.29	54,258.00	27,863.86		23,486.80		12,343.00	11,143.80	
A	ĐẦU TƯ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG		99,433.29	1,700.00	69,625.29	28,108.00	22,063.86		21,986.80		12,343.00	9,643.80	
I	Bảo vệ rừng		69,625.29		69,625.29		15,487.86		14,328.00		12,328.00	2,000.00	
1	Lâm sinh		60,085.29		60,085.29		11,997.86		11,998.00		11,998.00		
-	Quản lý bảo vệ rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng)	100.565 ha	60,085.29		60,085.29		11,997.86	22.179,97 ha	11,998.00		11,998.00		
2	Cơ sở hạ tầng		6,775.00		6,775.00		2,955.00		2,320.00		320.00	2,000.00	
-	Trạm bảo vệ rừng	5 cái	3,500.00		3,500.00		700.00		-				Không thực hiện
-	Hệ thống biển báo		1,275.00		1,275.00		255.00		320.00	-	320.00		
	+ Biển báo các loại (Cái)	7.500 cái	525.00		525.00		105.00	1.500 cái	120.00		120.00		
	+ Bảng chỉ dẫn khu rừng (Cái)	50 cái	750.00		750.00		150.00	10 cái	200.00		200.00		
-	Cổng, tường rào, nội bộ cơ quan	1 công trình	2,000.00		2,000.00		2,000.00	1 công trình	2,000.00			2,000.00	
3	Phòng cháy chữa cháy rừng		2,765.00		2,765.00		535.00		10.00		10.00		
-	Làm đường ranh cản lửa	75km	1,875.00		1,875.00		375.00		-				Không thực hiện
-	Tu bổ ranh cản lửa	75km	750.00		750.00		150.00		-				Không thực hiện
-	Máy chữa cháy đeo vai	6 cái	90.00		90.00				-				Không thực hiện
-	Dụng cụ cầm tay khác (dao, cuốc...)	500 cái	50.00		50.00		10.00	100 cái	10.00		10.00		
II	Phát triển rừng		29,808.00	1,700.00		28,108.00	6,576.00		7,658.80		15.00	7,643.80	
1	Trồng rừng kinh tế		27,748.00			27,748.00	6,114.00		7,643.80			7,643.80	
-	Trồng mới và chăm sóc năm thứ 1	500 ha	16,730.00			16,730.00	3,346.00	117,56 ha	7,357.21	-	-	7,357.21	
	+ Trồng lại rừng sau khai thác							17,56 ha	587.61			587.61	
	+ Trồng mới theo CT khoán đất	500 ha	16,730.00			16,730.00	3,346.00	100 ha	6,769.60			6,769.60	
-	Chăm sóc rừng trồng năm thứ 2	400 ha	5,624.00			5,624.00	1,406.00	170,09 ha	257.96			257.96	

TT	Nội dung/danh mục đầu tư	Kế hoạch 5 năm được UBND tỉnh phê duyệt						Kế hoạch năm 2023					Ghi chú
		Quy mô/khối lượng	Tổng mức đầu tư (cả giai đoạn)	Nguồn vốn đầu tư			Kế hoạch 2023	Quy mô/khối lượng	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư			
				Vốn NSNN	Nguồn thu DVMTR	Vốn Công ty; huy động khác				Vốn NSNN	Nguồn thu DVMTR	Vốn Công ty; huy động khác	
-	Chăm sóc rừng trồng năm thứ 3	300 ha	4,086.00			4,086.00	1,362.00	33,61 ha	11.23			11.23	
-	Chăm sóc rừng trồng năm thứ 4	200 ha	1,308.00			1,308.00		19,31 ha	17.40			17.40	Dự án thuộc KH năm 2024
2	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng		2,060.00	1,700.00		360.00	462.00						
-	Khoanh nuôi tự nhiên	2415 ha	1,700.00	1,700.00			390.00		-				Không thực hiện

Phụ lục 03

**KẾ HOẠCH XỬ LÝ TỒN TẠI TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2023-2025
CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP ĐẮK GLEI**

(Kèm theo Quyết định số 345 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tình hình tồn tại tài chính đến thời điểm 31/12/2022				Đối chiếu, thu hồi nợ	Dự kiến phương án xử lý tồn tại tài chính trong giai đoạn 2023-2025			Ghi chú
		Tổng số	Đã xử lý		Còn lại chưa xử lý		Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
			Giai đoạn trước	Năm 2022						
1	Nợ phải thu khó đòi	1,075.81			1,075.81	684.19		199.67	191.95	Nếu nguồn lực tài chính đảm bảo thì ưu tiên xử lý hết trong năm 2023
2	Tài sản thiếu chờ xử lý	1,055.84	310.39		745.44	135.89		321.19	288.37	
3	Nợ phải thu thuộc đầu tư dài hạn (Dự án trồng cà phê và trồng dâu tằm tơ thực nghiệm)	746.09		378.36	367.73		367.73			
TỔNG CỘNG		2,877.73	310.39	378.36	2,188.98	820.08	367.73	520.86	480.31	